

Số: /KH-UBND

*Bắc Ninh, ngày tháng 5 năm 2026*

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình Củng cố, phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số và Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

Thực hiện Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030; Quyết định số 520/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp giai đoạn 2021 - 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh xây dựng Kế hoạch thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số và Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh như sau:

### **I. CĂN CỨ XÂY DỰNG**

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới;
- Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW;
- Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030;
- Quyết định số 520/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp giai đoạn 2021-2030;
- Quyết định số 4157/QĐ-BYT ngày 28/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

Củng cố, hiện đại hóa hệ thống thông tin chuyên ngành dân số; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp; bảo đảm cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu dân số phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng chính sách và lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh.

Tạo sự chuyên biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng về công tác dân số và phát triển, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp và nhân viên y tế - dân số, cộng tác viên có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác dân số.

Nâng cao kiến thức, kỹ năng về công tác dân số và phát triển cho đội ngũ cán bộ hoạch định chính sách về dân số, cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp và nhân viên y tế - dân số.

Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bao gồm năng lực quản lý, tổ chức, triển khai công tác dân số trong tình hình mới cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp.

### 2. Mục tiêu cụ thể

(1) Thông tin số liệu trực tuyến về dân số được cập nhật, số hóa ở cấp xã đạt 100% năm 2030; nhân viên y tế - dân số, cộng tác viên dân số thực hiện cập nhật thông tin số liệu trực tuyến bằng thiết bị di động thông minh đạt 100% năm 2030.

(2) 100% kho dữ liệu chuyên ngành dân số cấp tỉnh, xã được hiện đại hóa, hình thành hệ thống lưu trữ, kết nối thông tin số liệu dân số và phát triển vào năm 2026, tiếp tục duy trì và mở rộng trong những năm tiếp theo.

(3) 100% cấp xã xử lý, khai thác trực tuyến trên môi trường mạng các chỉ tiêu dân số và phát triển phục vụ chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước về dân số từ năm 2026.

(4) 80% ngành, lĩnh vực, địa phương trên toàn tỉnh sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số trong xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vào năm 2026; đạt 100% năm 2030.

(5) Triển khai khai thác sử dụng các ứng dụng trên thiết bị di động thông minh do các bộ, ngành Trung ương phát triển đáp ứng nhu cầu sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

(6) Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp và cộng tác viên dân số được đào tạo nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu công tác dân số trong tình hình mới.

(7) Tối thiểu 80% công chức, viên chức dân số làm công tác dân số được bồi dưỡng kiến thức cơ bản về dân số.

(8) 100% viên chức làm công tác dân số được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số, đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm và nhiệm vụ được giao.

(9) 90% nhân viên y tế cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản ở các cơ sở y tế công lập, trạm y tế có kiến thức, kỹ năng cung cấp các dịch vụ dân số và phát triển.

(10) Hàng năm bồi dưỡng tập huấn kiến thức cho cộng tác viên dân số, nhân viên y tế - dân số theo nhu cầu và khả năng của các địa phương.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

#### **1. Chương trình củng cố, phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số**

##### ***1.1. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến thông tin số liệu dân số và phát triển***

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến thông tin số liệu dân số và phát triển trên các nền tảng số, mạng xã hội, trang thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng, bảo đảm tính chính thống, thống nhất và an toàn thông tin, đồng thời mở rộng khả năng tiếp cận tới các cơ quan, tổ chức và người dân.

Đổi mới nội dung và phương thức tuyên truyền, phổ biến thông tin số liệu dân số theo hướng hiện đại, bảo đảm thông tin số liệu dân số được cung cấp kịp thời, chính xác, dễ tiếp cận, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và hoạch định chính sách dân số.

Cập nhật thông tin số liệu chuyên ngành dân số theo danh mục hành chính mới, định kỳ cập nhật, đồng bộ cơ sở dữ liệu tuyến xã vào kho dữ liệu tuyến tỉnh và kho dữ liệu chuyên ngành dân số trung ương.

Tổ chức tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa của dữ liệu dân số trong hoạch định chính sách và phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và người dân về trách nhiệm cung cấp thông tin dân số chính xác.

##### ***1.2. Hoàn thiện cơ chế chính sách, quy định chuyên môn, kỹ thuật***

Triển khai thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Cục Dân số và các chính sách liên quan của địa phương. Trong đó quan tâm cập nhật, bổ sung các quy định về kỹ thuật, an toàn thông tin, an ninh dữ liệu, vận hành kho dữ liệu dân cư điện tử chuyên ngành dân số.

Phối hợp thực hiện xây dựng cơ chế chính sách, các quy định chuyên môn và kỹ thuật liên quan đến quản lý, khai thác, vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số. Việc rà soát, bổ sung các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn thông tin, an ninh

dữ liệu, nhằm bảo đảm tính bảo mật, tin cậy và tính pháp lý của dữ liệu.

Hướng dẫn thống nhất quy định về vận hành Hệ thống thông tin chuyên ngành dân số các cấp, đồng thời quy định định mức kỹ thuật đối với trang thiết bị phục vụ vận hành hệ thống theo hướng dẫn của trung ương.

### ***1.3. Nâng cao chất lượng thông tin số liệu, hiện đại hóa kho dữ liệu chuyên ngành dân số***

Kiến toàn mạng lưới thu thập, cập nhật thông tin số liệu chuyên ngành dân số gắn với đội ngũ làm công tác dân số các cấp;

Từng bước nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin hiện có, bổ sung trang thiết bị mới đảm bảo mục tiêu số hóa dữ liệu, lưu trữ dữ liệu; thiết bị mạng và các phần mềm bảo mật bảo đảm hoạt động ổn định, an toàn, liên tục và bảo mật của hệ thống dữ liệu dân số.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, khai thác dữ liệu, phân tích dự báo bằng công nghệ hiện đại. Các tính năng khai thác, trích xuất dữ liệu, báo cáo định kỳ và theo yêu cầu cần tiếp tục đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tham mưu, hoạch định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

In và cung cấp phiếu thu tin cho Cộng tác viên, sổ A0...; Định kỳ điều tra, rà soát và cập nhật thông tin số liệu quản lý hộ gia đình, khu dân cư vào kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số;

Triển khai phần mềm MIS trên nền tảng web khi có hướng dẫn của Cục Dân số.

Triển khai áp dụng ứng dụng trên thiết bị di động thông minh thông qua các giải pháp công nghệ hiện đại có khả năng tổng hợp, phân tích và kết xuất thông tin số liệu cơ bản về dân số (theo chương trình do Cục Dân số triển khai).

### ***1.4. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, cộng tác viên tham gia chương trình***

Tuyển chọn cán bộ phụ trách chương trình có chuyên môn về công nghệ thông tin thành thạo trong nhập liệu, cập nhật, sử dụng dữ liệu cho phân tích, báo cáo, thống kê dân số, nhân khẩu học...

Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thống kê, nghiệp vụ thu thập thông tin biến động, cập nhật dữ liệu dân cư chuyên ngành dân số, chuyển đổi số dân số cho công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp và cộng tác viên dân số;

Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực, cán bộ cộng tác viên tham gia chương trình về thống kê dân số, nhân khẩu học, công nghệ thông tin thành thạo trong nhập liệu, cập nhật, sử dụng dữ liệu cho phân tích, báo cáo.

### ***1.5. Kiểm tra, giám sát***

Tổ chức kiểm tra giám sát việc thu thập, cập nhật và báo cáo số liệu chuyên ngành về dân số, thẩm định thông tin dữ liệu định kỳ giảm thiểu trùng lặp, sai lệch và nâng cao tính chuẩn xác.

Thường xuyên sao lưu, lưu trữ dữ liệu, bảo đảm an toàn dữ liệu dân cư.

## **2. Đề án đào tạo bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác dân số các cấp**

### ***2.1. Cơ chế, chính sách***

Bồi dưỡng đội ngũ giảng viên/báo cáo viên tuyển tỉnh đáp ứng yêu cầu từng chương trình, đảm bảo có giảng viên tuyển tỉnh để tập huấn cho tuyển xã.

Xây dựng đội ngũ giảng viên/báo cáo viên tuyển xã đáp ứng nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ đảm bảo năng lực tập huấn cho Cộng tác viên theo phân cấp.

Lồng ghép kế hoạch đào tạo với kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của ngành y tế và kế hoạch đào tạo cán bộ của tỉnh.

### ***2.2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về dân số***

Khảo sát, đánh giá thực trạng năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp trên địa bàn tỉnh. Xây dựng các chương trình, tổ chức lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ kịp thời cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp quản lý chuyên ngành; kiến thức, phương pháp thực hiện nhiệm vụ nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp và nhân viên y tế - dân số, cộng tác viên dân số đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Từng bước chuẩn hóa trình độ chuyên môn của đội ngũ công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp và nhân viên y tế - dân số, cộng tác viên theo vị trí việc làm về dân số.

Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức dân số và phát triển, bồi dưỡng kiến thức về thống kê, phân tích dữ liệu dân số, dự báo xu hướng dân số và xây dựng chính sách dân số; cập nhật kiến thức về sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số và thích ứng với già hóa dân số cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số cấp tỉnh, xã.

Tổ chức tập huấn định kỳ hằng năm cho cộng tác viên dân số về kỹ năng thu thập thông tin dân số; kỹ năng truyền thông và vận động người dân; tăng cường đào tạo theo phương pháp cầm tay chỉ việc tại cộng đồng, phát triển các tài liệu đào tạo đơn giản, dễ hiểu cho cộng tác viên.

### **2.3 Hoàn thiện chương trình, đào tạo, bồi dưỡng**

Kết hợp đào tạo trực tiếp và đào tạo trực tuyến phù hợp với từng đối tượng, từng chương trình.

Phát triển tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống thông tin dân số (MIS), tài liệu hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ Dân số và phát triển phù hợp với từng chương trình, dự án và từng nhóm đối tượng.

Phối hợp với các cơ sở đào tạo chuyên ngành dân số, y tế công cộng và quản lý nhà nước tổ chức các lớp đào tạo hoặc cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo phù hợp với chuyên môn, vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

## **IV. KINH PHÍ**

**1.** Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**2.** Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, các Sở, ban, ngành và các địa phương chủ động xây dựng dự toán, bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hằng năm để tổ chức triển khai, thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định.

**3.** Kinh phí từ nguồn huy động xã hội hóa từ các tổ chức, cá nhân và nguồn kinh phí hợp pháp khác. Đa dạng hóa các nguồn lực thực hiện Chương trình, lồng ghép với các kế hoạch, chương trình, đề án, nhiệm vụ liên quan; huy động toàn bộ mạng lưới y tế, dân số, cộng tác viên dân số tham gia theo chức năng nhiệm vụ được giao bảo đảm hoạt động ở tuyến cơ sở; ứng dụng khai thác dữ liệu; các giải pháp nâng cao chất lượng thông tin số liệu.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Thời gian thực hiện:** Giai đoạn 2026 - 2030.

**2. Nhiệm vụ của các Sở, ngành và địa phương**

### **2.1. Sở Y tế**

Là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh, báo cáo Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai các nội dung của kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh; hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện tại các địa phương và đơn vị liên quan.

Chủ trì tổ chức chuẩn hóa, cập nhật và quản lý dữ liệu dân số trên địa bàn tỉnh; bảo đảm dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan trong việc kết nối và chia sẻ dữ liệu dân số với các cơ sở dữ liệu khác.

Chủ trì tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tập huấn kỹ năng sử dụng hệ thống thông tin dân số cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số cấp tỉnh, xã;

Tổ chức thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin, dữ liệu dân số phục vụ công tác xây dựng chính sách, lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## **2.2. Sở Tài chính**

Hàng năm phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương rà soát dự toán, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch.

Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và lồng ghép các nội dung dân số trong các dự án đầu tư công, dự án phát triển đô thị, khu công nghiệp.

Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch; đề xuất cơ chế tài chính, định mức chi cho hoạt động dân số phù hợp tình hình mới.

## **2.3. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Chủ trì phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan lồng ghép nội dung giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản vào chương trình giáo dục trong các cơ sở giáo dục.

Phối hợp với Sở Y tế bổ sung nội dung đào tạo về dân số và phát triển cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên trong các cơ sở giáo dục về giới, giới tính, dân số, SKSS/KHHGĐ, bình đẳng giới,...

Phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan đến học sinh, sinh viên phục vụ công tác nghiên cứu và phân tích tình hình dân số.

## **2.4. Thống kê Bắc Ninh**

Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan phối hợp thực hiện các cuộc kiểm tra, giám sát về nội dung của Kế hoạch có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. Nghiên cứu, thẩm định các chỉ số về chuyên ngành dân số, cung cấp cho các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ.

## **2.5. Sở Khoa học và Công nghệ**

Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan hướng dẫn việc chia sẻ, kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số với cơ sở dữ liệu của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ.

## **2.6. Công an tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan trong việc kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu giữa hệ thống thông tin chuyên ngành dân số với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện việc khai thác, sử dụng dữ liệu dân cư phục vụ công tác quản lý dân số theo đúng quy định của pháp luật.

Phối hợp rà soát, đối chiếu thông tin giữa dữ liệu dân số và dữ liệu dân cư nhằm bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và thống nhất của dữ liệu.

## **2.7. Các Sở, ban ngành khác của tỉnh**

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao chủ động triển khai thực hiện, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, phù hợp thực tiễn.

Tham gia phối hợp với ngành Y tế khi triển khai các cuộc rà soát, điều tra, thống kê số liệu dân số định kỳ.

## **2.8. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

Chủ động xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch phù hợp với điều kiện của địa phương. Sử dụng số liệu chuyên ngành dân số trong xây dựng và thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Huy động các nguồn lực, đầu tư tài chính đảm bảo thực hiện các nội dung của kế hoạch, củng cố kho dữ liệu điện tử dân số cấp xã và thực hiện chuyển đổi số lĩnh vực dân số, in phiếu thu thập thông tin cho cộng tác viên, sổ A0...

Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực bảo đảm việc cập nhật dữ liệu dân số được thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời trên hệ thống thông tin chuyên ngành dân số tại địa phương.

Tổ chức tuyên truyền, vận động người dân cung cấp thông tin dân số chính xác và tham gia các hoạt động về dân số và phát triển tại địa phương.

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, đối chiếu và xác minh thông tin dân số, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch, rà soát biến động dân cư trên địa bàn.

Ban hành Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác dân số của địa phương và triển khai thực hiện; tăng cường các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức làm công tác dân số, đào tạo, tập huấn cho cộng tác viên dân số tại địa phương.

Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc quản lý, rà soát biến động dân cư trên địa bàn và triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương.



## VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO

- Các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, chủ động tổ chức triển khai thực hiện định kỳ báo cáo kết quả về Sở Y tế (cơ quan thường trực) để tổng hợp báo cáo theo quy định.

- UBND các xã, phường thực hiện báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch, lồng ghép trong báo cáo công tác dân số và phát triển hằng năm gửi về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số và Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Yêu cầu các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ triển khai thực hiện./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ Y tế, Cục Dân số;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các tổ chức CT-XH;
- Các Sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Công an tỉnh, Thống kê tỉnh;
- Báo và PTTH tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VP UBND tỉnh: VX, TTTT, LĐVP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Xuân Lợi**

## MỤC TIÊU/CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số        /KH-UBND ngày    tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Nội dung mục tiêu/nhiệm vụ	Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Thông tin số liệu trực tuyến về dân số được cập nhật, số hóa ở cấp xã; nhân viên y tế - dân số, cộng tác viên dân số thực hiện cập nhật thông tin số liệu trực tuyến bằng thiết bị di động thông minh đạt 100% năm 2030.	100%	Sở Y tế, UBND xã, phường	Cục Dân số, Sở KHCN
2	Kho dữ liệu chuyên ngành dân số cấp tỉnh, xã được hiện đại hóa, hình thành hệ thống lưu trữ, kết nối thông tin số liệu dân số và phát triển vào năm 2026, tiếp tục duy trì và mở rộng trong những năm tiếp theo.	100%	Sở Y tế, UBND xã, phường	Cục Dân số, Sở KHCN
3	Cấp xã xử lý, khai thác trực tuyến trên môi trường mạng các chỉ tiêu dân số và phát triển phục vụ chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước về dân số từ năm 2026.	100%	Sở Y tế, UBND xã, phường	Cục Dân số, Sở KHCN
4	Ngành, lĩnh vực, địa phương trên toàn tỉnh sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số trong xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vào năm 2026	100%	Sở Y tế	UBND xã, phường
5	Triển khai khai thác sử dụng các ứng dụng trên thiết bị di động thông minh do các bộ, ngành Trung ương phát triển đáp ứng nhu cầu sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh	-	Sở Y tế, UBND xã, phường	Cục Dân số, Sở KHCN

STT	Nội dung mục tiêu/nhiệm vụ	Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
6	Phối hợp với các cơ sở đào tạo chuyên ngành dân số, y tế công cộng và quản lý nhà nước tổ chức các lớp đào tạo hoặc cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo phù hợp với chuyên môn, vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.	-	Sở Y tế	UBND xã, phường
7	Tổ chức tập huấn định kỳ hằng năm cho cộng tác viên dân số về kỹ năng thu thập thông tin dân số; kỹ năng truyền thông và vận động người dân; tăng cường đào tạo theo phương pháp cầm tay chỉ việc tại cộng đồng, phát triển các tài liệu đào tạo đơn giản, dễ hiểu cho cộng tác viên.	-	UBND xã, phường	Sở Y tế
8	Công chức, viên chức dân số làm công tác dân số được bồi dưỡng kiến thức cơ bản về dân số	80%	Sở Y tế, UBND xã, phường	Trường Đại học Y Hà Nội
9	Viên chức làm công tác dân số được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số, đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm và nhiệm vụ được giao.	100%	Sở Y tế, UBND xã, phường	Trường Đại học Y Hà Nội
10	Nhân viên y tế cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản ở các cơ sở y tế công lập, trạm y tế có kiến thức, kỹ năng cung cấp các dịch vụ dân số và phát triển.	90%	Sở Y tế	UBND xã, phường
11	Hàng năm bồi dưỡng tập huấn kiến thức cho cộng tác viên dân số, nhân viên y tế - dân số theo nhu cầu và khả năng của các địa phương.	-	UBND xã, phường	Sở Y tế